

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp
tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển KH-XH; Quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 55/2008/TT-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 509/SCT-QLCN ngày 27/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chính sau:

1. Quan điểm phát triển

Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012; phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng, cả nước và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan trên địa bàn tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tế trong giai đoạn quy hoạch.

Phát triển ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh theo hướng liên kết phát triển bền vững với cơ cấu đồng bộ: Gia tăng tỷ lệ chế biến sâu; khai thác hiệu quả các lợi thế về tài nguyên khoáng sản, nguồn nguyên liệu nông lâm thủy hải sản. Ưu tiên đầu tư, đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường cùng với việc đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực có chất

lượng cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, tạo ra sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh lớn.

Phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành nghề truyền thống, du nhập nghề mới phù hợp với nguồn lực sẵn có trên địa bàn. Tập trung đầu tư phát triển lĩnh vực sản xuất công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp vệ tinh cho các dự án trọng điểm, công nghiệp tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xây dựng các mô hình sản xuất ngành nghề nông thôn, đảm bảo thúc đẩy mối quan hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp phát triển bền vững, chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Quy hoạch phát triển ngành có tính mở để phát huy tính sáng tạo trong thực hiện quy hoạch, liên kết phát triển với các lĩnh vực, vùng và công nghiệp cả nước theo hướng chủ động đầu tư, hội nhập vững chắc đồng thời tiếp cận các xu thế và trình độ công nghiệp quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung

Khẳng định vai trò, vị trí trung tâm của công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Hà Tĩnh trong phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP tỉnh, góp phần đưa Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững; từng bước hiện đại hóa và đồng bộ trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; hướng đến xây dựng Hà Tĩnh thành một trung tâm công nghiệp của cả nước vào năm 2020. Xác định các nhóm ngành chủ lực, tạo động lực để đột phá về phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2020; xác định vai trò của các nhóm ngành nền tảng khai thác thế mạnh, tiềm năng của tỉnh và nhóm ngành tạo tiền đề phát triển cho giai đoạn sau 2020.

Đến năm 2020: Công nghiệp tăng trưởng đột phá, thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu nhóm ngành công nghiệp; hình thành phát triển cụm ngành luyện kim và trung tâm sản xuất nhiệt điện tại khu kinh tế Vũng Áng có giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng lớn trong ngành công nghiệp. Hình thành phát triển cụm ngành dệt may; các nhóm ngành cơ khí chế tạo, sửa chữa, điện tử, hóa chất, cao su, nhựa... ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ, tiêu thụ sản phẩm sắt thép; ngành công nghiệp rượu, bia, nước giải khát gắn với phát triển chuỗi cung ứng của ngành trong vùng và cả nước, khai thác tiềm năng của địa phương; ngành công nghiệp khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu như luyện kim, sản xuất vật liệu xây dựng...; nhóm ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển gắn với sản xuất, khai thác và chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu.

Đến năm 2030: Nhóm ngành công nghiệp luyện kim vẫn giữ vai trò chủ đạo, tiếp tục tăng trưởng mạnh ở nhóm ngành sản xuất cơ khí, chế tạo, đóng tàu, điện tử (tăng dần tỷ trọng). Cụm ngành dệt may phát triển mạnh. Các ngành nghề công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp phát triển đồng đều. Đa dạng hóa sản phẩm để xuất khẩu; phát triển các nghiên cứu ứng dụng và triển khai các

hoạt động sản xuất tái chế bảo vệ môi trường làm nền tảng cho phát triển ngành công nghiệp xanh sau năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp giai đoạn đến năm 2020 đạt 28-29%/năm và giai đoạn 2021-2030 đạt 31-33%/năm. Chiếm tỷ trọng 50-56% trong cơ cấu GDP của tỉnh;
- Giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành (theo giá so sánh 2010) đạt giá trị 220 - 230 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn đến năm 2020 đạt 60-61%/năm và giai đoạn 2021-2030 đạt 61-62%/năm.
- Tạo bước tăng trưởng đột phá nhóm ngành luyện kim, sản xuất điện năng; đến năm 2020, giá trị sản xuất đạt từ 198-203 nghìn tỷ đồng, chiếm 85-87% tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.
- Tăng trưởng mạnh các nhóm ngành còn lại: Sản xuất và phân phối điện, gas, hơi nước, tăng trưởng trên 55%/năm. Dệt may tăng trưởng trên 27%/năm. Công nghiệp cơ khí chế tạo, sửa chữa, điện tử tăng trưởng trên 23%/năm. Rượu, bia, nước giải khát tăng trưởng khoảng 19%/năm.
- Dự kiến hàng năm tạo thêm cơ hội việc làm bình quân cho hơn 10 nghìn lao động, đưa lực lượng lao động công nghiệp lên trên 100 nghìn người vào năm 2020, 150 nghìn người đến năm 2030.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Nhóm ngành chủ lực tạo phát triển đột phá

a) Công nghiệp Luyện kim

- Giai đoạn đến năm 2020:

Trên cơ sở tiềm năng thế mạnh về tài nguyên khoáng sản, vị trí địa lý của tỉnh, gắn kết, hợp tác chặt chẽ với ngành công nghiệp luyện kim của cả nước, khu vực và quốc tế trong chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực... để phát triển ngành công nghiệp luyện kim gắn với khai thác, chế biến sâu, bảo vệ môi trường và có hiệu quả kinh tế cao các mỏ kim loại săn có trên địa bàn (mỏ sắt, mỏ thiếc...). Phát triển các trung tâm luyện sắt thép đồng bộ từ cơ sở hạ tầng, bến bãi, cơ sở sản xuất sắt thép đi liền với các cơ sở sản xuất thu gom, tái chế chất thải xử lý ô nhiễm bảo vệ môi trường tại Khu Kinh tế Vũng Áng.

Giá trị sản xuất đạt từ 176-182 nghìn tỷ đồng; chiếm tỷ trọng 77-79% giá trị sản xuất công nghiệp trên toàn tỉnh.

- Giai đoạn đến 2030:

Tổng công suất các dự án luyện thép trên địa bàn đạt trên 24,5 triệu tấn/năm. Các nhà máy hoạt động ổn định cung cấp đa dạng các sản phẩm có thể cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu như: Thép dẹt cán nóng, thép dẹt cán nguội, thép dài, phôi thép các loại...

Trên cơ sở thăm dò đánh giá trữ lượng và khả năng khai thác mỏ thiếc tại huyện Hương Sơn, trường hợp khả thi, dự kiến thu hút dự án đầu tư khai thác chế biến luyện thiếc thỏi tại KKT cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, công suất khoảng 300 tấn/năm.

Giá trị sản xuất đạt từ 198 - 205 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 79-80% giá trị sản xuất công nghiệp trên toàn tỉnh.

b) Công nghiệp sản xuất điện năng

- Giai đoạn đến 2020: Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, cải tạo, hoàn thiện hệ thống lưới điện đảm bảo đáp ứng nhu cầu, nâng cao chất lượng điện áp và độ tin cậy cung cấp điện, nhằm triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển điện I đến năm 2030.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 25 - 27 nghìn tỷ đồng đến năm 2020, chiếm tỷ trọng 12 - 13% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Giai đoạn đến năm 2030: Tổng công suất là 6.423MW (trong đó chủ yếu là nhiệt điện than 6.300MW) chiếm 4,85% tổng công suất nguồn điện của cả nước; trong đó nếu chỉ tính riêng nhiệt điện than, Hà Tĩnh chiếm 10,14% của cả nước.

Đến năm 2030 giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 39 - 41 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12 - 13% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

3.2. Nhóm ngành nền tảng khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh

a) Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản

- Giai đoạn đến 2020:

Phát triển theo hướng gia tăng tỷ lệ chế biến sâu, đặc biệt chú trọng phát triển chất lượng hàng hóa sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn liền với xây dựng và phát triển thương hiệu, mẫu mã, minh bạch rõ ràng nguồn gốc xuất xứ để tăng giá trị khi tham gia thị trường. Khuyến khích liên kết giữa nhà sản xuất và cung ứng nguồn nguyên liệu theo hướng cung ứng nguyên liệu đã qua sơ chế, hoặc chế biến thô cho cơ sở sản xuất tiếp tục chế biến sâu và cung ứng sản phẩm ra thị trường phù hợp với thị hiếu và đáp ứng điều kiện lưu thông hàng hóa trên thị trường trong và ngoài nước, tăng dần lượng hàng hóa xuất khẩu.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 4,2 - 4,5 nghìn tỷ đồng; chiếm tỷ trọng 2,2 - 2,3% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Tiếp tục phát triển, tạo gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở sản xuất tham gia theo từng công đoạn, đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm giảm hao hụt trong chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo vùng cung ứng nguyên liệu thô phát triển bền vững, ổn định.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 5,5 - 6 nghìn tỷ đồng; chiếm tỷ trọng 2,1 - 2,2% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

b) Công nghiệp khai thác khoáng sản

- Giai đoạn đến năm 2020:

Quặng sắt: Khai thác tuyển quặng sắt gắn với luyện thép, giảm thiểu thời gian chờ đợi giữa cung ứng nguyên liệu và sản xuất.

Quặng titan (quặng sa khoáng trong tầng cát xám): Tập trung đổi mới, cải tiến, nâng cấp công nghệ tuyển nhằm nâng cao tỷ lệ thu hồi khoáng vật có ích; tiếp tục khai thác các mỏ còn trữ lượng; biến sâu đến sản phẩm xỉ titan, zircon siêu mịn.

Quặng mangan: Tiếp tục khảo sát và đưa các mỏ mangan vào khai thác chế biến sâu sản xuất dioxitmangan điện giải (EMD) sử dụng công nghệ cao để cung cấp cho ngành luyện kim trong và ngoài tỉnh.

Các loại quặng kim loại khác (thiếc, sericit...): thăm dò, đánh giá trữ lượng các điểm mỏ chưa được khảo sát đánh giá trữ lượng có độ tin cậy ở mức độ nghiên cứu địa chất.

Vật liệu xây dựng: Tuân thủ theo quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đã được phê duyệt; kiểm tra, đôn đốc các dự án đã đăng ký tiến hành đầu tư và đi vào sản xuất theo đúng tiến độ.

Xem xét đầu tư khai thác các điểm mỏ than bùn hiện có để cung cấp nguyên liệu cho sản xuất phân vi sinh phục vụ phát triển nông nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 5,9-6,1 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,6-2,7% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Đầu tư khai thác chế biến tinh quặng sắt mỏ sắt Thạch Khê thực hiện đúng kế hoạch đến năm 2022 đạt công suất thiết kế khai thác 10 triệu tấn/năm. Giai đoạn 2025-2030, xem xét đầu tư thăm dò, đánh giá, nghiên cứu khả thi, tiến tới thiết kế khai thác các mỏ sắt đã thăm dò trên địa bàn để đưa vào khai thác cung cấp cho nhu cầu các dự án luyện kim trên địa bàn tỉnh sau năm 2030.

Duy trì công suất khai thác chế biến sâu các mỏ khác trên địa bàn bảo đảm cung cấp cho thị trường.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 10-12 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,4-3,5% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

c) Công nghiệp cơ khí, chế tạo, đóng tàu, điện tử

- Giai đoạn đến năm 2020:

Thu hút các dự án đầu tư sản xuất có trình độ công nghệ khoa học cao như: Ứng dụng công nghệ tự động hóa, công nghệ mô phỏng, công nghệ điều khiển học

Đầu tư mới và nâng cấp các cơ sở hiện có, nâng cao năng lực, đáp ứng tốt nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc phương tiện giao thông vận tải

đường thủy; tàu phục vụ công tác đánh bắt cá xa bờ theo kế hoạch phát triển ngành khai thác thủy sản của tỉnh trên địa bàn tỉnh.

Liên doanh, liên kết hợp tác đầu tư với các hãng sản xuất phương tiện vận tải hiện đại (Nhật, Hàn Quốc...) đầu tư lắp ráp, sản xuất, lắp đặt máy móc công trình, chi tiết máy cho ngành chế tạo tàu thủy trong khu vực và mở các trung tâm dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy.

Đầu tư vào lĩnh vực lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa, chế tạo đúc, rèn, dập một số chi tiết của các máy cơ khí phục vụ công trình, khai thác và chế biến khoáng sản, dệt may trên địa bàn. Sản xuất một số chi tiết phụ kiện, lắp ráp thiết bị điện tử văn phòng, điện tử gia dụng, thiết bị điện lắp trong tàu thủy.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 3,2-3,5 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,4-1,5% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh

- Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư mới dự án liên kết sản xuất cấu kiện sắt thép, sản xuất phụ kiện phục vụ các công trình xây lắp dân dụng và công nghiệp, nâng cao năng lực sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng phương tiện tàu thủy cỡ vừa đến lớn phục vụ công tác khai thác thủy sản xa bờ và vận tải biển. Theo nhu cầu thị trường, nâng công suất các dự án đã đầu tư giai đoạn trước.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 6-7 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,1-2,2% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

d) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

- Giai đoạn đến năm 2020:

Ngừng cấp phép, hạn chế tiến tới loại bỏ phát triển sản xuất gạch tuynel nhằm bảo vệ nguồn đất nông nghiệp, giữ gìn cảnh quan môi trường, xóa bỏ hoàn toàn gạch thủ công; hỗ trợ phát triển theo hướng tiếp cận công nghệ công nghiệp xanh, tiên tiến; khuyến khích đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng không nung sử dụng tro, xỉ, đá mạt, cát từ nguồn thải của các nhà máy nhiệt điện, phân bón hóa chất, luyện gang thép và các điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 3,7-3,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,7-1,8% tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Xóa bỏ các cơ sở sản xuất gạch nung tuynel. Tiếp tục tập trung phát triển các sản phẩm vật liệu xây không nung sử dụng tro, xỉ, đá mạt, cát từ nguồn thải của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy phân bón hóa chất, nhà máy luyện gang thép và các điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Đầu tư nâng cấp, mở rộng sản xuất vật liệu xây không nung theo công nghệ tiên tiến, đa dạng chủng loại sản phẩm về kích thước, màu sắc để giúp cho những nhà thi công có thể lựa chọn theo yêu cầu để hoàn thiện khối xây không trát. Phát triển sản xuất các loại ngói nung không tráng men hoặc tráng men có màu dùng để trang trí. Phát triển sản xuất các loại ngói xi măng - cát, tấm lợp thông minh, tấm lợp sinh thái, tấm lợp nhựa cao cấp lấy ánh sáng tự nhiên.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 4,5- 4,7 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,8-1,9% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

d) Công nghiệp sản xuất rượu, bia, nước giải khát

- Giai đoạn đến 2020:

Phát triển các sản phẩm truyền thống của tỉnh: Rượu, nước khoáng theo hướng sản xuất sạch, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, cung ứng thêm các mặt hàng mới như rượu thuốc (nhung hươu, thảo dược) đăng ký mẫu mã, nguồn gốc sản xuất hàng hóa để có thể mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Nâng công suất dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh lên 70 triệu lít/năm.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 1,4-1,5 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,7-0,8% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Theo khả năng phát triển thị trường, nâng công suất đầu tư khai thác của các dự án hiện có. Tăng cường, đảm bảo tính liên kết trong sản xuất cung ứng rượu truyền thống trên địa bàn, đa dạng hóa mặt hàng, mẫu mã, chủng loại sản phẩm, phù hợp với thị hiếu của thị trường, hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 1,7-1,8 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,6-0,7% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

e) Công nghiệp dệt may, da giày

- Giai đoạn đến năm 2020:

Thu hút, xúc tiến đầu tư hoàn thành Trung tâm công nghiệp dệt may tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh; phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may. Nghiên cứu, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực sản xuất đồ bảo hộ lao động phục vụ hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 2,2-2,4 nghìn tỷ đồng đến năm 2020, chiếm tỷ trọng từ 1,1-1,2% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Duy trì ổn định và đầu tư mở rộng, nâng công suất các dự án dệt may đang hoạt động sản xuất. Tiếp tục đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may, sản xuất trang phục bảo hộ lao động và các loại hàng hóa may mặc mới.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt từ 2,7-2,9 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,1-1,2% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

3.3. Nhóm ngành tiềm đề phát triển cho giai đoạn sau năm 2020

a) Công nghiệp hóa chất, cao su, nhựa

- Giai đoạn đến 2020:

Hoàn thành các dự án đã đăng ký đầu tư và hoạt động sản xuất theo đúng kế hoạch như: Dự án Tổ hợp nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ trung, vi lượng, phân bón lá, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; các dự án nhà máy sản xuất sơn công nghiệp và gia công cơ khí. Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư khu lọc hóa dầu tại KKT Vũng Áng.

Đầu tư nâng công suất nhà máy chế biến mủ cao su lên 6,5 nghìn tấn/năm, đầu tư mới nhà máy chế biến mủ cao su có công suất khoảng 4,5 nghìn tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Đầu tư ổn định và mở rộng các dự án đang hoạt động sản xuất trên địa bàn theo nhu cầu thị trường. Đầu tư các dự án sản xuất phân vi sinh và chế biến tái chế rác thải, phụ phẩm nông nghiệp sản xuất phân vi sinh phục vụ phát triển nông nghiệp sạch. Đầu tư xây dựng khu lọc hóa dầu tại KKT Vũng Áng.

b) Công nghiệp sản xuất, phân phối khí gas hóa lỏng

Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng thêm mới 10 kho, tại thành phố Hà Tĩnh 04 kho, tại huyện Cẩm Xuyên 02 kho; tại thị xã Hồng Lĩnh và huyện Đức Thọ, Vũ Quang, Hương Sơn mỗi huyện/thị xã 01 kho.

Giai đoạn đến năm 2030: Quy hoạch mới tại TP Hà Tĩnh 02 trạm nạp khí ga hóa lỏng (LPG); tại thị xã Hồng Lĩnh và các huyện: Kỳ Anh, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Đức Thọ, Lộc Hà, mỗi huyện/thị xã 01 trạm nạp khí ga hóa lỏng (LPG) (08 trạm).

c) Công nghiệp cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải

Giai đoạn đến năm 2020: Cải tạo nâng công suất 05 nhà máy nước với tổng công suất 26.500 m³/ngày đêm; xây dựng mới 07 nhà máy nước với tổng công suất 97.000 m³/ngày đêm.

Giai đoạn đến năm 2030: Cải tạo nâng công suất 08 nhà máy nước với tổng công suất 182.500 m³/ngày đêm và xây dựng mới 01 nhà máy nước công suất 10.000 m³/ngày đêm.

d) Công nghiệp chế biến khác

Giai đoạn đến 2020: Hoàn thành đầu tư các nhà máy in trên địa bàn, kêu gọi các dự án đầu tư công nghệ in mới, hiện đại; Đầu tư nghiên cứu khả năng sản xuất tái chế thu khí CO₂ từ các dự án luyện kim, nhiệt điện...

Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư phát triển các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ các dự án sản xuất tái chế từ thu khí CO₂ để sản xuất các sản phẩm dạng mới như đá CO₂...

3.4. Định hướng phân bố không gian phát triển CN - TTCN

a) Định hướng phân bố công nghiệp theo vùng

- **Vùng 1, phía Bắc:** Tiếp giáp tỉnh Nghệ An, gồm thị xã Hồng Lĩnh và các huyện Nghi Xuân, Can Lộc, Lộc Hà. Phát triển vùng theo hướng đa ngành nghề, lấy thị xã Hồng Lĩnh làm trung tâm phát triển của vùng.

Các ngành nghề công nghiệp chủ đạo của vùng trong giai đoạn quy hoạch: Ngành công nghiệp dệt may, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, sửa chữa, đóng tàu thủy, phát triển kinh tế biển song song với ngành nghề nuôi trồng, đánh bắt và chế biến nông, lâm, thủy sản.

- **Vùng 2, vùng Trung tâm và phía Nam tỉnh:** Bao gồm thành phố Hà Tĩnh và các huyện: Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh. Đây là vùng kinh tế trọng điểm, chủ lực của tỉnh Hà Tĩnh; thành phố Hà Tĩnh là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế, tập trung các ngành công nghệ cao; Khu kinh tế Vũng Áng và khu khai thác mỏ sắt Thạch Khê làm hạt nhân, động lực phát triển của vùng và toàn tỉnh; tập hợp và thu hút lực lượng lao động có chất lượng cao....

Tập trung phát triển cụm ngành sắt thép, hậu sắt thép, sản xuất và phân phối điện; công nghiệp hỗ trợ cho ngành thép như: Cơ khí chế tạo máy và linh kiện, lắp ráp ô tô, xe máy, cơ khí sửa chữa; đóng tàu, cảng biển và vận tải biển, nghiên cứu khả năng đầu tư dự án lọc hóa dầu dựa trên thế mạnh về khu cảng nước sâu Vũng Áng và Sơn Dương. Phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng trong vùng về chế biến nông lâm thủy sản và công nghiệp hóa chất. Đồng thời phát triển dịch vụ và trung tâm Logistics.

- **Vùng 3, vùng phía Tây của tỉnh:** Gồm các huyện Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang và Hương Khê.

Tập trung phát triển theo hướng kinh tế nông, lâm nghiệp; ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, phát huy các ngành nghề tiêu thủ công nghiệp truyền thống và ngành nghề chế biến cây công nghiệp có giá trị cao, thích nghi với điều kiện địa hình miền núi (chè, cao su); chế biến chiết xuất tinh chất từ nguồn cây thảo dược, gió tràm, nhung hươu.

Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo theo hướng tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị và nông lâm nghiệp. Phát triển trở thành cửa ngõ thông thương quốc tế, đầu mối giao thông quan trọng trên hành lang kinh tế Đông Tây. Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp cơ khí, chế tạo, phân loại, đóng gói, gia công, lắp ráp hàng xuất khẩu và các ngành cơ khí sửa chữa phương tiện giao thông vận tải; dịch vụ Logistics.

b) Định hướng phân bố không gian các làng nghề - TTCN

Quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp đảm bảo kết hợp hài hòa giữa công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại. Kết hợp công nghệ hiện đại, máy móc thiết bị tiên tiến với giữ gìn, áp dụng những bí quyết công nghệ truyền thống để đảm bảo tính đặc trưng của sản phẩm, nét văn hóa dân gian trong các sản phẩm làng nghề truyền thống của tỉnh.

Phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp cần gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo giữ gìn môi trường trong sạch; làm nền tảng cho phát triển bền vững.

Quy hoạch phân bố các làng nghề tiểu thủ công nghiệp: Định hướng đến năm 2020 đầu tư bảo tồn, phát triển 29 làng nghề truyền thống và không truyền

thống, nhất là các làng nghề có hiệu quả kinh tế và lợi thế về sản phẩm và các làng nghề có nguy cơ bị mai mỉa, ưu tiên công tác truyền nghề, dạy nghề.

Giai đoạn sau 2020, tiếp tục phát triển và gìn giữ các làng nghề tiêu thủ công nghiệp truyền thống đồng thời cố gắng du nhập thêm các nghề mới.

(*Tổng hợp các dự án đầu tư chính và lộ trình thực hiện theo Phụ lục 1. Danh mục dự kiến đầu tư các khu, cụm công nghiệp theo lộ trình quy hoạch và các lĩnh vực ngành nghề xúc tiến đầu tư theo phụ lục 2*).

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

4.1 Nhóm giải pháp trước mắt:

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền về tiềm năng, lợi thế, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư, trong việc xây dựng Hà Tĩnh trở thành trung tâm công nghiệp thép, trung tâm điện năng, trung tâm cảng biển... của cả nước đến toàn bộ cán bộ, nhân dân để tạo sự tin tưởng, chia sẻ, đồng thuận.

- Tập trung đầu tư phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, đặc biệt đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu kinh tế trọng điểm của tỉnh như: Khu kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện hồ sơ, thủ tục đầu tư, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng...

- Rà soát các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với mục tiêu, chiến lược, tốc độ phát triển và cân đối quỹ đất, xem xét chuyển đổi các diện tích đất sản xuất nông nghiệp có năng suất thấp sang đất dành cho phát triển công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp.

- Rà soát, đánh giá các dự án đang đầu tư về tiến độ và các nội dung so với giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp để có biện pháp xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các dự án không triển khai, triển khai chậm hoặc không đúng nội dung quy định.

- Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; triển khai tốt Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững tạo sức bật và động lực mới cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

4.2. Nhóm giải pháp lâu dài

a) Giải pháp về đầu tư và thu hút đầu tư

Nghiên cứu thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; xây dựng cơ sở dữ liệu cho hoạt động xúc tiến đầu tư; xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư; xây dựng các ấn phẩm, tài liệu xúc tiến đầu tư; quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư; hỗ trợ các doanh nghiệp,

nhà đầu tư; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ; thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, liên kết hợp tác trong nước và quốc tế.

b) Giải pháp phát triển khoa học công nghệ

- Tăng cường công tác thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư vào địa bàn theo quy định; tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ xanh vào sản xuất để nâng cao hiệu quả năng suất, chất lượng nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong điều kiện nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

- Ưu tiên nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành quản lý, thông tin liên lạc, giao dịch, điều tra, quản lý dữ liệu về công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp.

c) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 96/2009/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực lao động kỹ thuật giai đoạn 2009-2015; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tinh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND tỉnh ban hành Chương trình Giải quyết việc làm - Xuất khẩu lao động tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2013-2015; Kế hoạch 41/KH-UBND về thực hiện chương trình đề án đào tạo nghề năm 2014 và những năm tiếp theo. Hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp, đào tạo nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp cho cán bộ quản lý của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở bồi dưỡng đào tạo và doanh nghiệp về nội dung, chương trình đào tạo, hoạt động hướng nghiệp, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, tính kỷ luật lao động; phối hợp tạo điều kiện hỗ trợ người lao động chủ động học tập nâng cao trình độ. Thu hút, khuyến khích, kêu gọi sự hỗ trợ của nước ngoài và các doanh nghiệp FDI tham gia đào tạo nguồn nhân lực.

d) Giải pháp về thị trường

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2010-2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 06/7/2010. Tổ chức và tham gia các hội chợ trong và ngoài nước, các hoạt động kết nối thị trường, trong đó chú trọng đến các hội chợ quốc tế chuyên ngành. Liên kết các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hợp tác tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, tham gia các hoạt động phát triển thị trường thuộc chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

- Xây dựng chương trình quản lý, khai thác, hình thành cơ sở dữ liệu thông tin về xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, dự báo, cung cấp các thông tin thị trường đến doanh nghiệp; tư vấn thị trường tiêu thụ sản phẩm giúp các doanh nghiệp nâng cao chất lượng xây dựng và điều hành chiến lược đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa lưu thông trên địa bàn tỉnh, chống hàng nhập lậu, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

5. Giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án lớn, dự án trọng điểm đang triển khai trên địa bàn tỉnh để sớm có sản phẩm theo đúng lộ trình kế hoạch và quy hoạch. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, tỷ trọng giá trị gia tăng cao, có lợi thế so sánh; từng bước giảm tỷ trọng các ngành gia công, sơ chế và khai thác tài nguyên. Ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài đối với các dự án đầu tư sản xuất có hàm lượng công nghệ cao, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, thiết bị, nhằm nâng tỷ lệ đổi mới công nghệ trong sản xuất, áp dụng công nghệ hiện đại, tạo sản phẩm có giá trị tăng cao.

- Tập trung hoàn thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng đảm bảo đồng bộ, chất lượng; tập trung triển khai nhanh các dự án kết cấu hạ tầng mang tính trọng điểm, có sức lan tỏa cao làm nền tảng cho phát triển công nghiệp. Tập trung phát triển dịch vụ Logistics.

6. Giải pháp về môi trường

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung, lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và bãi tập kết chất thải rắn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đảm bảo đến năm 2020 các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý chất thải, nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường theo qui định hiện hành, trước mắt ưu tiên cho các KCN, CCN có tỷ lệ lắp đầy cao, có nhiều doanh nghiệp đang hoạt động. Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 4600/KH-UBND ngày 30/12/2010 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 132/2010/NQ-HĐND ngày 13/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt đề án quản lý chất thải rắn đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Triển khai thực hiện lộ trình di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nằm xen kẽ các khu dân cư vào khu, cụm công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải tập trung theo quy định.

- Thực hiện tốt Kế hoạch hành động sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến 2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3210/QĐ-UBND ngày 4/10/2011. Xây dựng danh mục các dự án đầu tư theo hướng ưu tiên các dự án có công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường, hạn chế tiếp nhận các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, hao tốn nhiều nguyên, nhiên liệu, phát sinh nhiều chất thải và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Quy hoạch các khu chức năng, các dự án trong KKT, KCN, CCN hợp lý, khoa học, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường xung quanh, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy định. Nâng cao hiệu quả, chất lượng thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư vào KKT, KCN, CCN. Không cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng cho các dự án đầu tư chưa có báo cáo ĐTM được duyệt hoặc

bản cam kết bảo vệ môi trường được chấp thuận. Kiên quyết di dời các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đang nằm trong khi dân cư vào các KCN, CCN. Đẩy mạnh thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường tại các doanh nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

7. Giải pháp nâng cao năng lực tổ chức, quản lý

- Tổ chức triển khai và thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác thực hiện quy hoạch ngành trên địa bàn tỉnh. Tăng cường mối quan hệ, phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong việc quản lý sau cấp phép đầu tư, kinh doanh đối với các thành phần kinh tế và việc triển khai thực hiện các quy hoạch.

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ cải cách hành chính nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tăng cường trách nhiệm các cấp các ngành trong giải quyết và xử lý công việc. Thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thành lập và đăng ký doanh nghiệp. Xây dựng và kiện toàn đội ngũ công chức, từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ doanh nghiệp và người dân một cách có hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai, rộng rãi và thực hiện, kiểm tra, giám sát, quản lý việc thực hiện quy hoạch này.

- Trên cơ sở Quy hoạch phát triển CN - TTCN tỉnh được phê duyệt, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch theo đúng lộ trình, trong đó chú trọng công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các KCN, CCN nhằm tăng cường thu hút đầu tư các dự án công nghiệp đúng định hướng phát triển các nhóm ngành nghề đã được xác định trong quy hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiến đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối nguồn ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp, ưu tiên cho hệ thống xử lý nước thải, rác thải. Đồng thời chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xúc tiến đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp bằng hình thức xã hội hóa hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ban ngành, địa phương và các cơ quan liên quan đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án công nghiệp vào trên địa bàn theo lộ trình và các danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư đã được xác định tại quy hoạch này.

3. Ban quản lý Khu Kinh tế

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp trên các lĩnh vực đối với các Khu kinh tế, Khu công nghiệp theo quy định; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện việc xúc tiến đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp; bên cạnh việc tập trung quản lý, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, xây dựng chương trình, kế hoạch để đẩy mạnh việc xúc tiến đầu tư hạ tầng và kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp Hạ Vàng, Gia Lách.

- Chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng nhân lực thực hiện việc xúc tiến đầu tư và xây dựng kế hoạch đào tạo, cung ứng nhân lực cho các dự án công nghiệp đầu tư vào các Khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát quỹ đất, lựa chọn các vị trí phù hợp để triển khai quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo phát triển bền vững; hướng dẫn các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các công trình, dự án.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường của các công trình, dự án theo quy định; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất và thực hiện các quy định về môi trường. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng các chính sách sử dụng đất phù hợp, tạo thuận lợi, tăng tính hấp dẫn cho phát triển công nghiệp dài hạn trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động khoa học và công nghệ; tham mưu UBND tỉnh chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp áp dụng các công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Thực hiện tốt việc thẩm tra công nghệ các dự án công nghiệp đầu tư vào địa bàn theo quy định tại Quyết định 61/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

6. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện việc hỗ trợ đối với các hoạt động về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng lao động và việc chấp hành các quy định về chính sách đối với người lao động của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chủ trì

triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch 41/KH-UBND về Chương trình Việc làm - Dạy nghề năm 2014 và định hướng những năm tiếp theo.

7. Sở Giao thông - Vận tải

- Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở mạng lưới KCN, CCN, các cơ sở công nghiệp được quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giao thông của tỉnh, tạo thuận lợi cho phát triển mạng lưới công nghiệp và lưu chuyển lao động, nguyên vật liệu, sản phẩm, hàng hoá ...

- Phối hợp với Công an tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã nâng cao công tác quản lý giao thông, phương tiện vận tải (đặc biệt đối với địa bàn đô thị) tạo thuận lợi cho việc vận chuyển, cung ứng, bốc dỡ và nhập xuất kho các hoạt động công nghiệp, đặc biệt trong các KCN trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án Chính phủ điện tử; Đề án phát triển Công nghiệp CNTT; hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin, ứng dụng và phát triển CNTT; xây dựng phát triển các dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; hoàn thiện và phát huy hiệu quả sàn giao dịch thương mại điện tử Hà Tĩnh.

- Chỉ đạo cơ quan truyền thông tăng cường tuyên truyền, phổ biến để các cơ quan, đơn vị và người dân biết nhằm thực hiện tốt quy hoạch được duyệt.

9. Sở Xây dựng: Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng cho các đơn vị, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có liên quan. Định hướng và đảm bảo bố trí không gian và kiến trúc (nếu có) phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các loại hình cơ sở công nghiệp ở từng khu vực trên địa bàn.

10. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan, xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ và cân đối nguồn vốn thực hiện hỗ trợ theo các chương trình phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh; kịp thời tham mưu UBND tỉnh về các quy định phí, lệ phí phù hợp để khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp của tỉnh.

11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các dự án phát triển vùng nguyên liệu cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản và thúc đẩy phát triển các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp phù hợp quy hoạch.

12. Sở Tư pháp: Chịu trách nhiệm hỗ trợ pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật cho các doanh nghiệp trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính đảm bảo nhanh gọn, hiệu quả cho các cơ sở về quy trình thực hiện các dự án đầu tư công nghiệp.

13. Cục Thống kê: Chịu trách nhiệm thu thập, thống kê và cung cấp kịp thời các thông tin, số liệu về giá trị sản xuất, chỉ số phát triển và giá trị gia tăng theo các nhóm ngành công nghiệp.

14. UBND các huyện, thành phố, thị xã

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp ngành công nghiệp trên địa bàn có định hướng và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, định hướng quy hoạch. Cụ thể hóa quy hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của địa phương.

Chịu trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư đúng tiến độ khi thực hiện các dự án đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN; ;
- Gửi: VB giấy và điện tử.

[Signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Linh

PHỤ LỤC: CÁC DỰ ÁN KHAI THÁC TRIỀN CÔNG NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH



STT	Tên dự án	Vị trí	Công suất		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
			Đơn vị tính	Đến 2020	2021- 2030	Đến 2020
A NHÓM NGÀNH CHỦ LỰC TẠO ĐỘT PHÁT						
I	Ngành luyện kim					
1	NM chế biến tinh quặng sắt Hà Tĩnh (Cty CP khoáng sản Hòa Phát Mitraco)	Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Tr tấn/năm	1		335
2	Đầu tư nâng công suất NM hiện có SX sản phẩm Zicon siêu mịn (Tổng Cty Khoáng sản và TM Hà Tĩnh)	Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	1000 tấn/năm	10		35
3	Dự án khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh	KKT Vũng Áng	Tr tấn/năm	15	7	22 tỷ USD
4	Dự án liên hợp SX thép Hà Tĩnh	KKT Vũng Áng, Khu vực mỏ sắt Thạch Khê	Tr tấn/năm	2	2	6 tỷ USD
5	NM tuyển tinh và luyện thiếc thỏi loại I Hà Tĩnh	KKT cửa khẩu Cầu Treo	Tấn/năm		300	15
II Ngành sản xuất điện năng						
1	Nhiệt điện Vũng Áng I	KKT Vũng Áng	MW	1.200		1,6 tỷ USD
2	Nhiệt điện Vũng Áng II	KKT Vũng Áng	MW	1.200		1,8 tỷ USD
2	Nhiệt điện formosa	KKT Vũng Áng	MW	1.500		1,5 tỷ USD
3	Các dự án thủy điện nhỏ: Vũ Quang, Đà Nẵng, Hồ Hồ, Hương Sơn 2, Giao An, Trai Dơi	Các huyện	MW		30	200
4	Nhiệt điện Vũng Áng III	KKT Vũng Áng	MW	1.200	1.200	2,5 tỷ USD
B NHÓM NGÀNH NỀN TẢNG KHAI THÁC TIỀM NĂNG THÉM MẠNH CỦA TỈNH						
I Chế biến nông lâm thủy hải sản						
1	NM giết mổ và chế biến thực phẩm	KKT Vũng Áng	Tấn/năm	3.000	120	80

	Mitracos							
2	Các NM chế biến gỗ tiêu dùng, xuất khẩu	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	1.000 SP/năm	20	1.500	100		
3	Dự án SX bột giấy	KKT Vũng Áng	1.000tấn/năm	200	100	180	90	
4	NM Chế biến gỗ xuất khẩu Phonesack Việt Nam	KKT Vũng Áng	1.000m3/năm	180		50 TrUSD		
5	NM ché biến chè xuất khẩu Hà Tĩnh	KKT cửa khẩu Cầu Treo	1.000tấn/năm	6		50		
6	Nâng cấp và đầu tư mới các cơ sở cấp đông rau, củ, quả, thủy hải sản	các cơ sở hiện có, XDM tại vùng nguyên liệu	Tấn/năm		10		10	
7	Dự án hỗ trợ Đầu tư nâng cấp và liên kết các cơ sở SX vừa và nhỏ (xay xát chế biến ngũ cốc, bánh keo...)	Các huyện	1.000tấn/năm			5		
8	Dự án NM đóng gói SX sản phẩm chế biến lương thực thực phẩm theo quy cách chất lượng, nguồn gốc tỉnh Hà Tĩnh	KCN Gia Lách	Tấn/năm			10	10	
9	Nghiên cứu đầu tư triết suất tinh dầu tràm, ché biến thảo dược	Hương Khê và Vũ Quang	1.000 SP/năm			5		
10	NM Chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi	KKT Vũng Áng	1.000tấn/năm	200		30 TrUSD		
II Ngành khai thác khoáng sản								
1	DA khai thác và tuyển quặng mỏ Thạch Khê (Cty CP sắt Thạch Khê)	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Triệu tấn/năm	5	5	6.777	7.740	
2	Đầu tư thăm dò, khai thác tuyển tinh quặng Ilmenite cung cấp nguyên liệu cho SX xi titan, ilmenit hoản nguyên, Zircon, Rutile (Tổng Cty khoáng sản và TM Hà Tĩnh)	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	1000 tấn/năm	20		20		

3	Đầu tư Nhà máy xi titan	KKT Vũng Áng	1000 tấn/năm	30		120	
4	Đầu tư thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ thiếc	Sơn Kim, Hương Sơn				120	12
5	Đầu tư thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ vàng	Kỳ Anh, Vũ Quang				5	
6	Đầu tư sản xuất dioxit mangan điện giải (EMD)	CCN, thị xã Hồng Lĩnh	Tấn/năm	1.000	1.000	50	50
7	Dự án đầu tư khai thác chế biến khoáng chất công nghiệp và cung ứng nguyên liệu cho ngành SX VLXD và CN luyện kim	Các huyện có diêm mỏ	1000tấn/năm		2.000		50
III Cơ khí, chế tạo máy, SX đồ điện, điện tử, tin học							
1	Dự án NM SX cầu kiện thép tông hợp Goodenan	KCN VAI	1000tấn/năm	36		5,6 trUSD	
2	Dự án NM SX kết cấu thép và thiết bị cơ khí	KCN VAI	1000tấn/năm	1,8		5 triệu USD	
4	NM SX, lắp ráp ô tô, xe máy và các sản phẩm công nghiệp SOKI-CT	Giai đoạn 1: Trung tâm thương mại Tây Sơn Giai đoạn 2: KCN Đại Kim	1000 xe năm đap/năm	40 20			
5	NM cơ khí ô tô SOKI	1000SPđô diện/năm	1000SPđô diện/năm	10 10		3.717	
6	Dự án NM SX SP lắp xiết và gia công cơ khí	KCN VAI	1000tấn/năm	2		25	

7	Xưởng cơ khí, sửa chữa các loại máy công trình	CCN Thạch Châu				20
8	Xưởng sửa chữa ô tô, cơ khí, kho hàng cửa hàng xăng dầu	Cụm CN Nam Hồng			4.6	
9	Lắp ráp ô tô, máy công nghiệp, vận tải,...	Khối 7, thị trấn Tây Sơn			1000	
10	Dự án đầu tư NM mạ hợp kim	KCN Gia Lách Huyện Nghi Xuân, CCN TX Hồng Lĩnh	1000tấn/năm	100	100	200
11	DA SX hộp thép mạ, SX container TEU	KKT Vũng Áng	1000SP/năm	50	100	2400
12	DA SX hộp thép, phụ kiện băng sắt, thép phục vụ xây dựng, SX dụng cụ gia đình	KCN Gia Lách, CCN	1000SP/năm	1000	1000	1400
13	DA liên kết SX cầu Kiện sắt thép, SX phụ kiện (bu lông, đinh ốc vít..) phục vụ lắp ráp làm nhà khung, phục vụ NM điện và phát triển hệ thống lưới điện,	Các CCN	1000SP/năm	100	100	100
14	Nâng cao năng lực sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng phương tiện tàu thủy (từ 1- 100 nghìn tấn)	Các cơ sở hiện có			20	50
15	DA SX dây, cáp điện lực, dây cáp ngầm	Các KKT, hoặc tại KCN Gia Lách	1000tấn/năm	10	10	100
16	DA SX khí cụ điện	Các KKT, hoặc tại KCN Gia Lách	1000tấn/năm	1000	1000	300
17	DA đầu tư lắp ráp, SX lắp đặt máy móc công trình, SX chi tiết máy cho ngành chế tạo tàu thủy	KKT Vũng Áng, hoặc tại KCN Gia Lách	1000tấn/năm	50		500
18	DA NM SX linh kiện, lắp ráp máy tính và thiết bị văn phòng, viễn thông	CCN, khu công nghệ cao	1000sp/năm	50	50	50
IV Sản xuất vật liệu xây dựng						

1	NM SX cầu kiện bê tông	CCN thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	1000 tấn/năm	25	25	80
2	Dự án NM SX bê tông khí chung áp	KKT Vũng Áng, CCN TX Hồng Lĩnh	1000m3/năm	200		255
3	Dự án NM SX bê tông cột liệu (17 cơ sở)	Các địa phương, KKT KCN Hạt Vàng	Tr viên/năm	100	150	60
4	DA SX cột điện bê tông lì tám các loại	KCN Vũng Áng, CCN: Thạch Hà, TX Hồng Lĩnh, Hương Sơn, Lộc Hà	1000sp/năm	60	40	42
5	Các DA SX gạch không nung (6 cơ sở)	KKT Vũng Áng, CCN: Thạch Hà, TX Hồng Lĩnh, Hương Sơn, Lộc Hà	Tr viên/năm	60	40	42
6	Các DA SX gạch bê tông khí (2 cơ sở)	KKT Vũng Áng, CCN TX Hồng Lĩnh	Tr viên/năm	150	150	200
7	Các DA SX tấm lợp kim loại (4 cơ sở)	KKT Vũng Áng, KCN Hả Vàng, CCN TX Hồng Lĩnh, CCN huyện Hương Sơn	1000 m2/năm	1000	1000	200
8	DA SX gạch lát siêu mịn	CCN Huyện Hương Khê	Tr m2/năm	2	2	5
9	Dự án sản xuất Gạch Terazzo, Terrastone	Các CCN	1000 m2/năm	350	300	10
10	Dự án sản xuất Đá ốp lát	Huyện Kỳ Anh	1000m2/năm	100	100	10
11	Dự án sản xuất Gạch block thủy tinh	Huyện Kỳ Anh	1000 Tấn/năm	15	15	10
12	NM sản xuất tám nhựa thông minh	KKT Vũng Áng	1000m2/năm	350	150	10
13	DA sản xuất kính	KCN Hạt Vàng	m2/năm		1500	300
14	NM SX vật liệu chịu lửa	KCN Hạt Vàng	1000 T/năm		10	370
V Công nghiệp sản xuất bia, rượu, nước giải khát						
1	Nhà máy Bia Hà Tĩnh	Xã Thạch Tân, Thạch Hương, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Tr lít/năm	50	20	480
						100

2	DA đầu tư xây dựng NM tinh chế và SX rượu chất lượng cao phục vụ trong nước và xuất khẩu từ nguồn rượu nếp truyền thống (công suất 3.000 lít rượu/ ngày)	Xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Tr lít/năm	0,5		45
3	Các NM nước uống tinh khiết	Các KKT, CCN	Tr lít/năm	15	10	15
VI Công nghiệp dệt-nhuộm-may						
1	Nhà máy Sợi (giai đoạn I+II)	CCN Nam Hồng	1000 cọc sợi/năm	80		450
1	DA NM dệt, nhuộm vải dệt kim	CCN Nam Hồng	1000 tấn vải/năm	4,8		405
2	DA NM may (số I+II)	CCN Nam Hồng	Triệu SP/năm	10,8		370
3	DA NM SX phụ kiện may mặc	CCN Nam Hồng			100	
C NHÓM NGÀNH TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN CHO GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020						
I Công nghiệp hóa chất-cao su-nhựa						
1	Nghiên cứu đầu tư Dự án lọc hóa dầu	KKT Vũng Áng	1000 tấn/năm	200	700	7 tỷ USD
2	Dự án Tô hợp NM SX phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	1000 tấn/năm		20 TrUSD	
3	Dự án NM SX sơn và gia công cơ khí Rong Mei	KCN VAI	1000 tấn/năm	5		3,2 TrUSD
4	DA SX phân vi sinh	CCN, Huyện Đức Thọ	1000 tấn/năm		10	
5	Dự án nâng công suất NM chế biến mù cao su hiện có	Huyện Hương Khê	1000 tấn/năm		5	
6	Dự án đầu tư mới NM chế biến mù cao su	Huyện Hương Khê	1000 tấn/năm	7	5	60
II Công nghiệp cung cấp khí, nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải						
1	Các nhà máy nước tại các huyện, TX, TP,KKT	Các địa phương, KKT		150	100	3600
2	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các CCN	Cho các CCN trên địa bàn	1000m3/ngày đêm	50	100	50
						150

3	Dự án đầu tư NM tái chế chất thải rắn dạng tro xỉ từ các NM Nhiệt điện, luyện thép trên địa bàn để cung cấp nguyên liệu cho SX VLxây dựng, ngành xây dựng	KKT Vũng Áng	1000 tấn/năm	2000	4000	50	50
4	DA SX phân vi sinh từ xử lý rác thải, phụ phẩm nông nghiệp	Huyện Kỳ Anh	1000 tấn/năm	30		13	
5	Nghiên cứu SX tái chế thu khí CO2 từ các dự án luyện kim, Nhiệt điện	KKT Vũng Áng					100

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

